

Ngày	11,300 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.9%	0%	-3.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,805 - 12,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	774
Số lượng CPLH (CP)	68,470,941
KLGD BQ 20 phiên (CP)	251,650
Sở hữu nước ngoài	6.7%
Beta	0.84
EPS	1,142
P/E	9.9

DT thuần

Q1/24

128

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 1.0%

YoY: ▼29.0| -18.3%

LN trước thuế

Q1/24

23.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.1| 1644%

YoY: ▼10.5| -31.1%

LN sau thuế

Q1/24

19.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.9| 1614%

YoY: ▼8.20| -30.1%

ROA

2023

6.0%

+/- YoY: ▼ 10.9%

DT thuần

2023

550

tỷ VNĐ

YoY: ▼326| -37.3%

LN trước thuế

2023

109

tỷ VNĐ

YoY: ▼200| -64.8%

LN sau thuế

2023

86.9

tỷ VNĐ

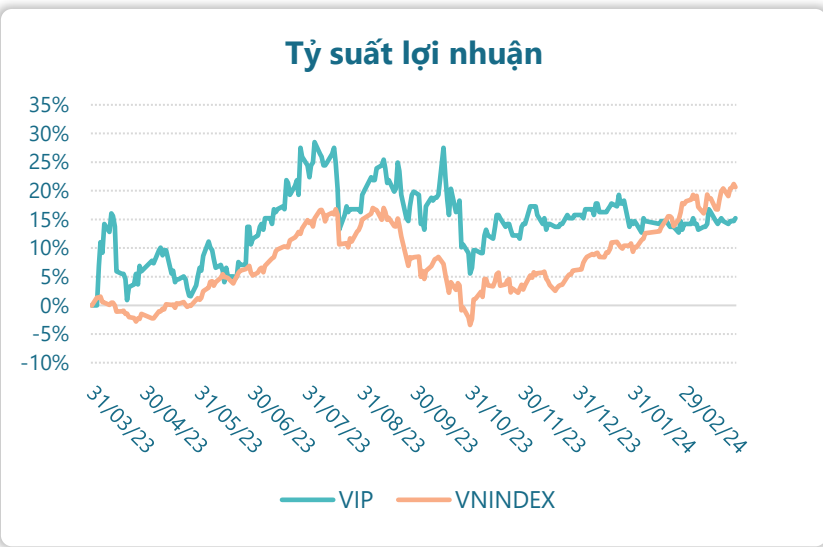
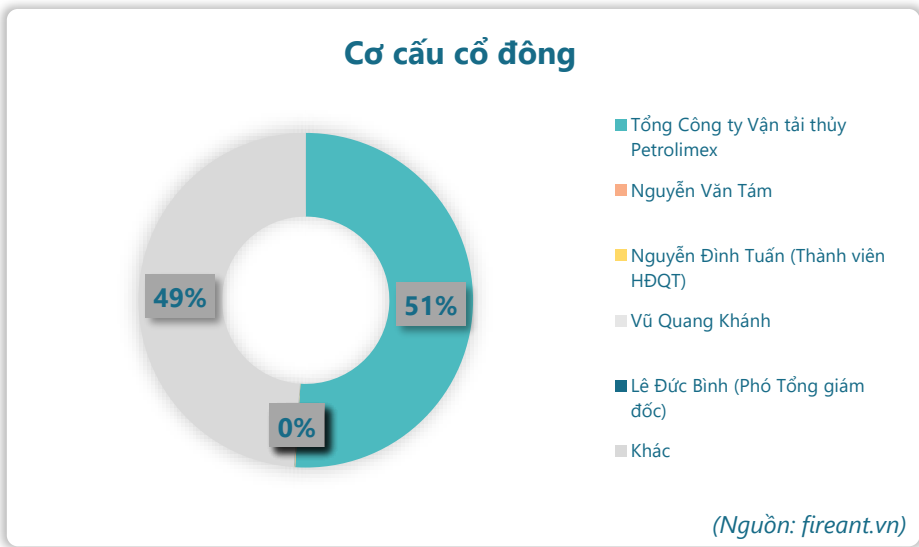
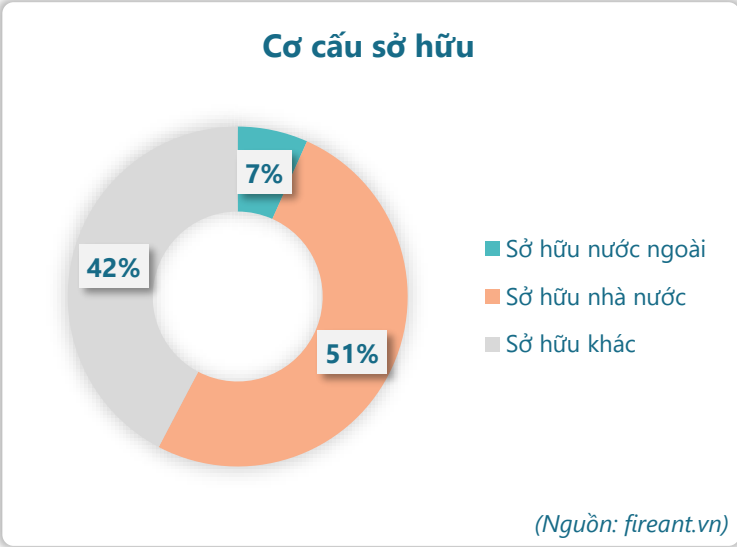
YoY: ▼161| -64.9%

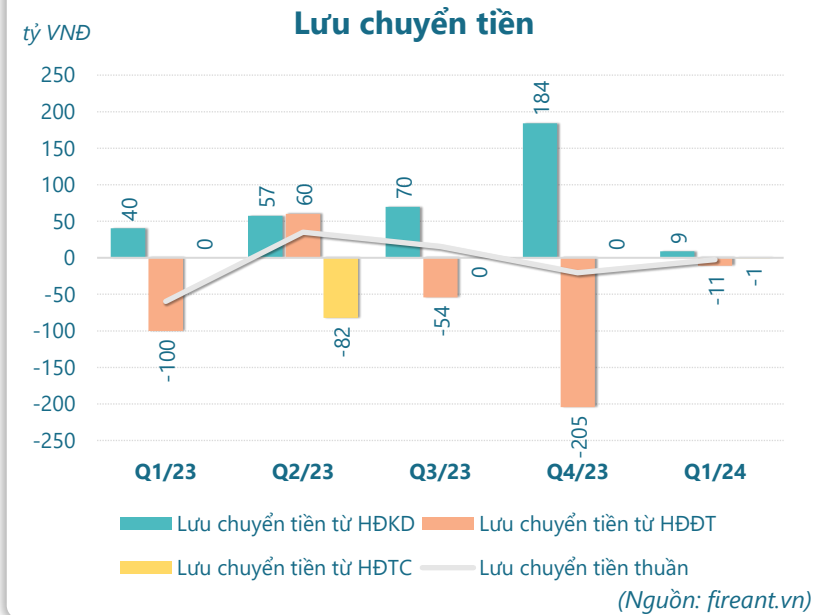
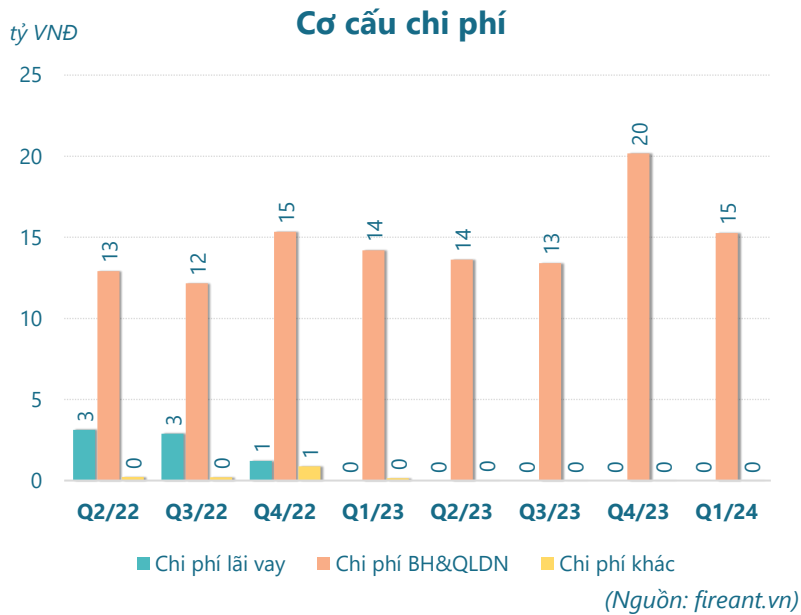
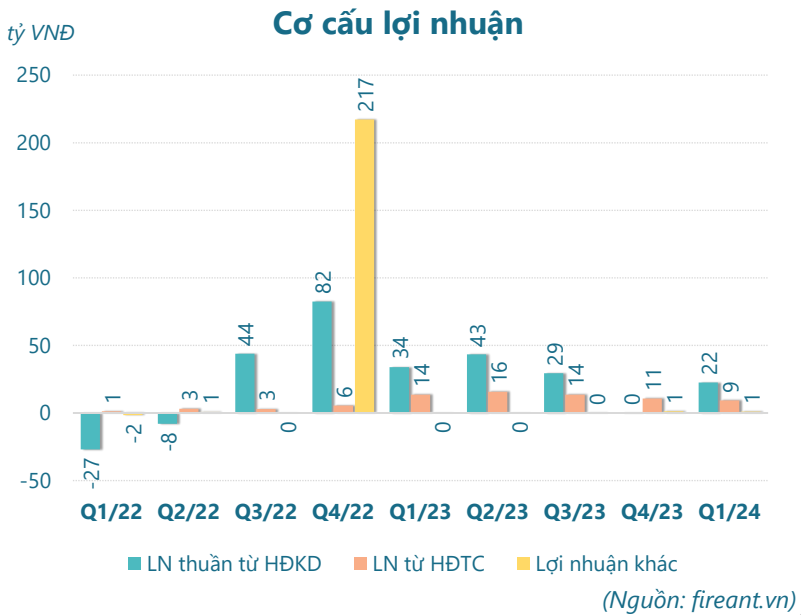
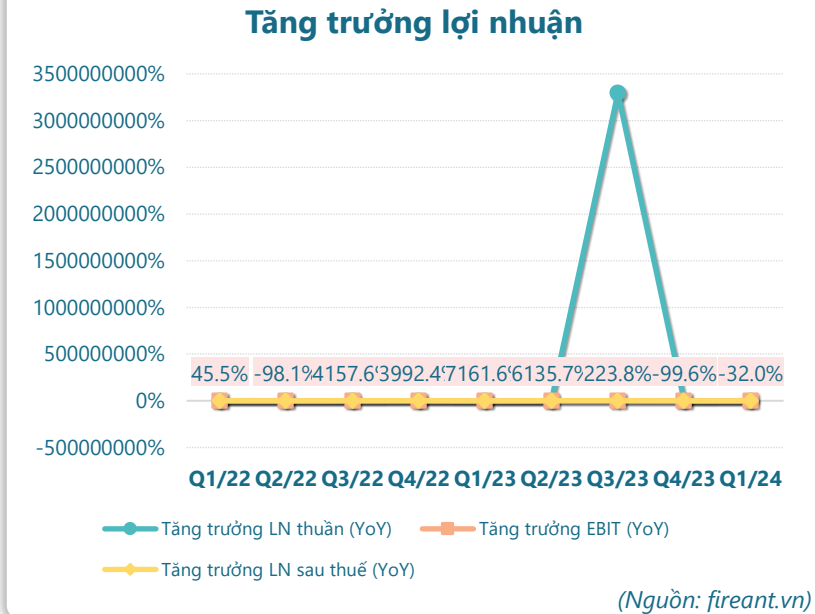
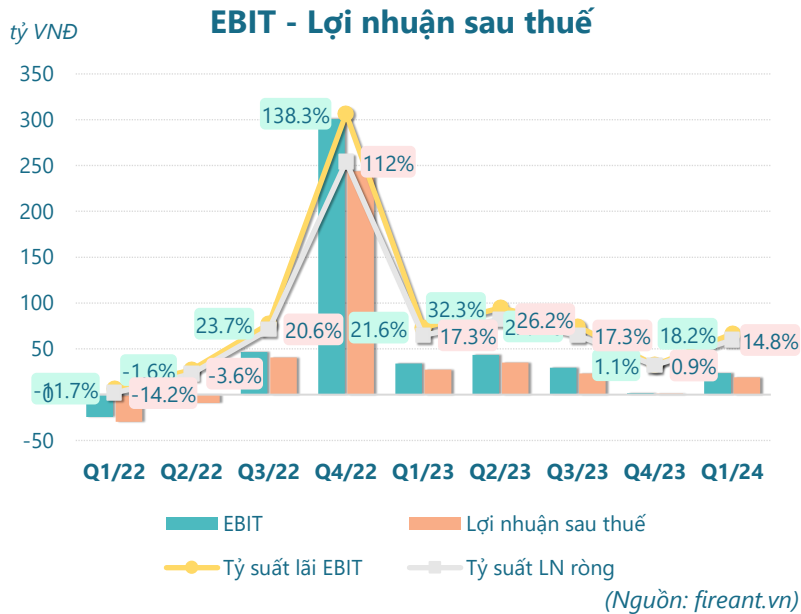
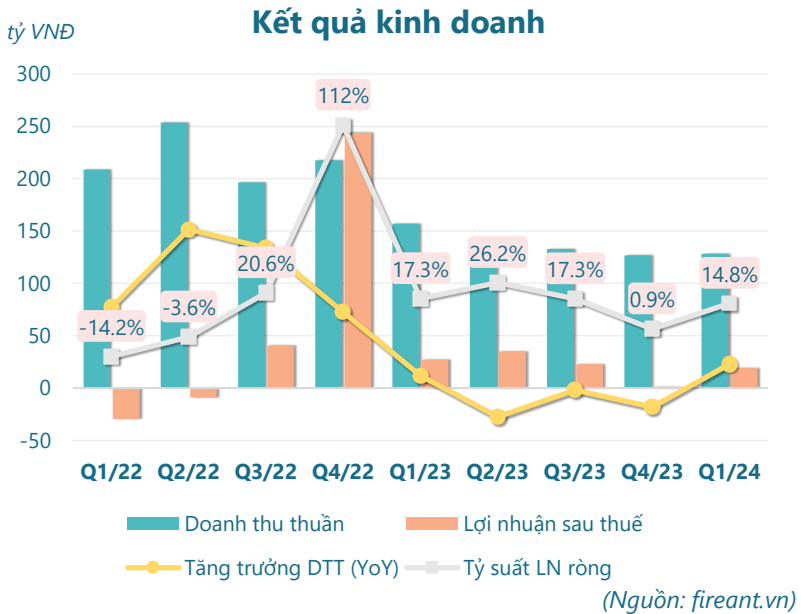
ROE

2023

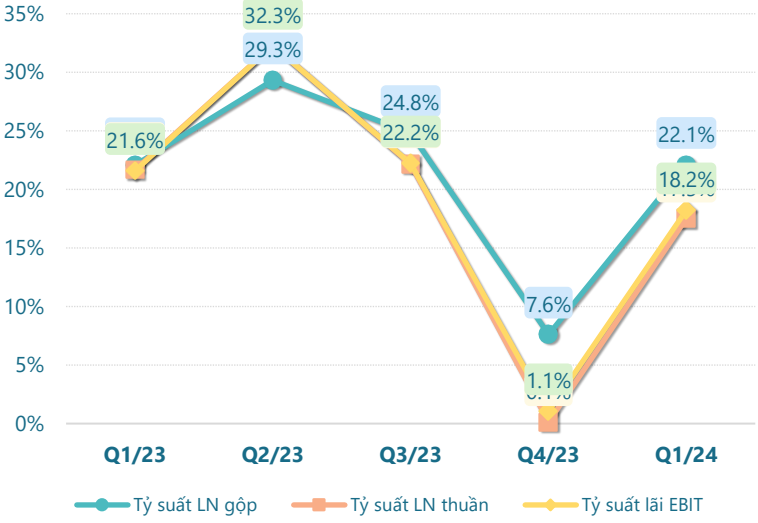
6.8%

+/- YoY: ▼ 14.0%



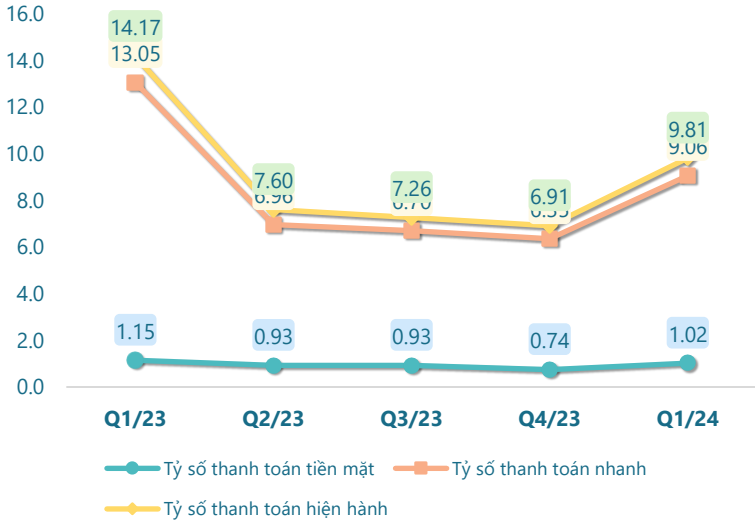


Tỷ suất lợi nhuận



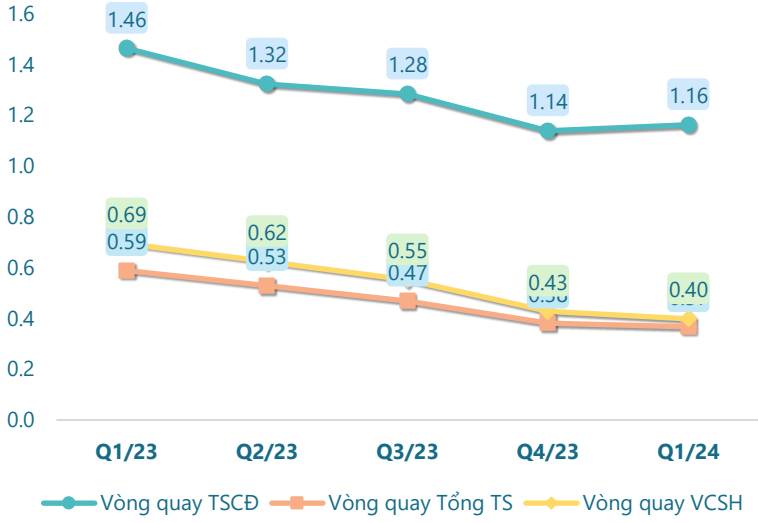
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



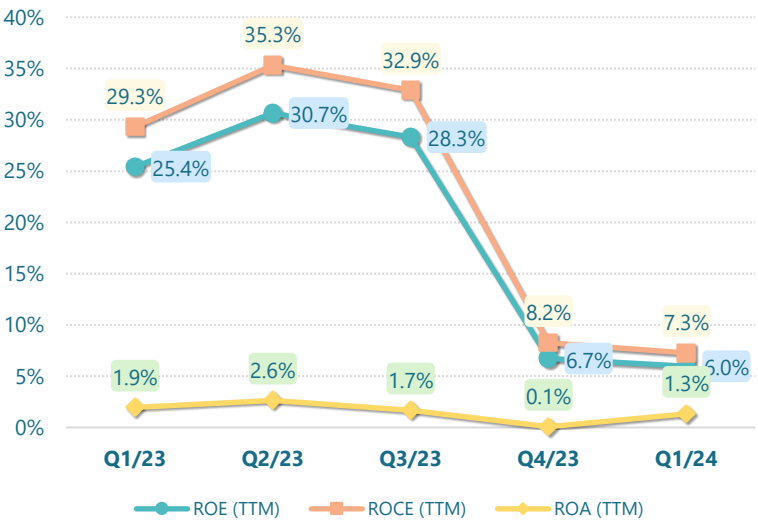
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



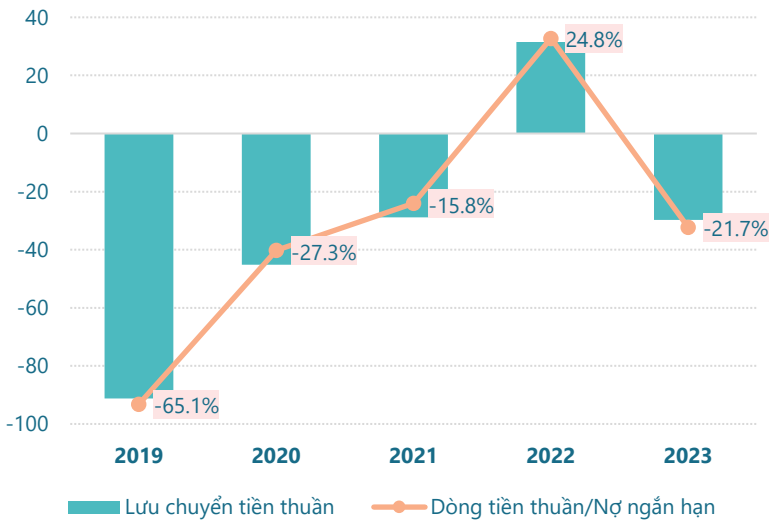
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



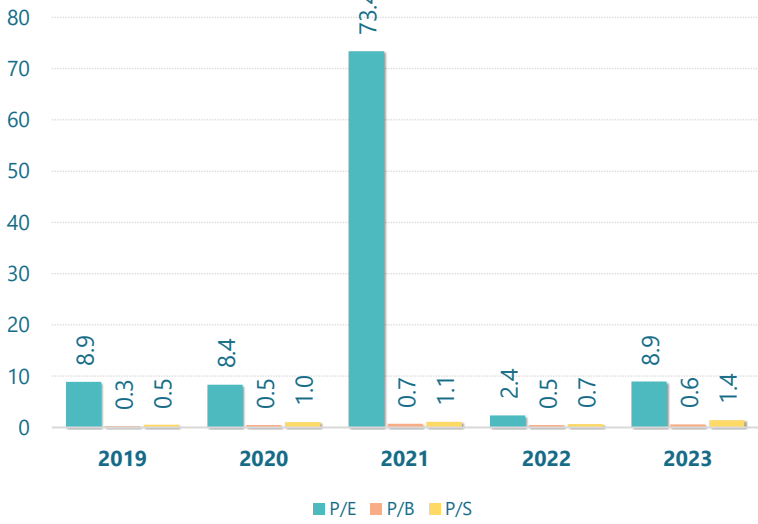
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)